

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/DS-ST

Ngày: 09 – 10 - 2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Truỵn.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2017 và thụ lý bổ sung số 97a/2017/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXDS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966.

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Cùng chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Q: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966 (theo giấy ủy quyền ngày 08 tháng 10 năm 2018).

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Ngọc R, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà V có mặt, ông Q vắng mặt có lý do, ông Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà R vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V trình bày: Vào năm 2013, ông Đ có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Q và bà V rất nhiều lần. Ông Đ có mua có trả tiền nhưng còn thiếu lại một số tiền nên đến ngày 02 tháng 01 năm 2014, hai bên chốt nợ thì ông Đ còn nợ lại ông Q và bà V số tiền gốc 15.498.000 đồng. Ông Đ hứa đến ngày 02 tháng 12 năm 2015 sẽ trả hết số tiền 15.498.000 đồng. Ông Đ có ký nhận nợ trong biên nhận có nợ tiền phân ngày 02 tháng 01 năm 2014. Ông Q và bà V có tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không trả thêm được khoản tiền gốc nào. Ông Q và bà V chỉ khởi kiện ông Đ vì chỉ có ông Đ trực tiếp mua phân, thuốc bảo vệ thực vật, không khởi kiện bà R vì bà R không liên quan đến khoản nợ này. Ông Q và bà V yêu cầu ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Q và bà V số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc là 15.498.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khi mua bán, ông Đ không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông Q và bà V.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn - Ông Võ Văn Đ trình bày: Ông Đ và bà R có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Q và bà V. Đến ngày 02 tháng 10 năm 2014, hai bên chốt nợ và ông Đ có ký nhận trong biên nhận có nợ tiền phân, thừa nhận còn nợ lại ông Q và bà V số tiền gốc 15.498.000 đồng. Từ năm 2014 đến nay, ông Đ và bà R không còn sống chung. Đây là khoản nợ chung của ông Đ với bà R nên ông Đ chỉ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ của số tiền 15.498.000 đồng. Ông Đ xin trả dần 4.000.000 đồng/năm cho đến khi hết nợ và xin phần tiền lãi vì hoàn cảnh khó khăn. Ông Đ có đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai đối với bà R nhưng bà R không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà R cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về việc ông Q và bà V khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn Nhứt - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những

người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V, buộc ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Q và bà V số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc 15.498.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn là ông Đ có địa chỉ tại ấp Bình Tây, xã Tuyên Thạnh, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông Đ, bà R tại phiên tòa: Ông Đ, bà R đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà R vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà R là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Q và bà V số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc 15.498.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận có nợ tiền phân ngày 02 tháng 01 năm 2014 do ông Đ ký nhận nợ. Đồng thời, được ông Đ thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 31 tháng 10 năm 2017, ông Đ cho rằng đây là nợ chung của ông Đ và bà R nhưng ông Đ không có chứng cứ chứng minh. Đồng thời, ông Q và bà V chỉ khởi kiện yêu cầu ông Đ trả nợ, không khởi kiện yêu cầu bà R có nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V là chỉ buộc ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Q và bà V số tiền gốc 15.498.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự.

[4] Về đề nghị xin trả dần của ông Đ: Không được ông Q và bà V đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 15.498.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; ông Q và bà V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V, buộc ông Võ Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V số tiền 15.498.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 774.900 đồng (bảy trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm đồng). Buộc ông Võ Văn Đ phải có nghĩa vụ chịu 774.900 đồng (bảy trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V 455.000 đồng (bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006562 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

